TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:73/HNGĐ-ST
Ngày 30/12/2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà: *Không.*

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T1, sinh năm 1991.

Đều trú tại: thôn S, xã T2, huyện Y, tỉnh Thái Bình. (Chị T và anh T1 đều có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, đơn xin xử vắng mặt chị T trình bày:

Chị và anh T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã T2, huyện Y, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống và làm ăn tại địa phương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mặt khác anh T1 không có trách nhiệm với gia đình, chị đã đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Ngọc T3, sinh ngày 05/8/2014, hiện con chung đang ở với chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung: Chị xác định chị và anh T1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh T1 trình bày:

Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã T2, huyện Y, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau, nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Ngọc T3, sinh ngày 05/8/2014, hiện con chung đang ở với chị T, anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do đặc thù công việc anh không có thời gian đến Tòa án để tham gia các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Do vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Các đương sự đều có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị T và anh T1 là hợp pháp,

trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị T và anh T2 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T2.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Ngọc T3, sinh ngày 05/8/2014, hiện con chung đang ở với chị T, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con cho chị, xét thấy cháu T3 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng xin được ở với mẹ, anh T1 cũng đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần thiệt giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là sự tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Ngọc T3, sinh ngày 05/8/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh T3 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, anh T3 có quyền đi lại thăm nom giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, thay đổi nuôi con được đặt ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0004153 ngày 01/8/2022 tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí, chị T đã nộp xong án phí.

5.Về quyền kháng cáo**:** Chị T và anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thái Thụy.*
- *THADS huyện Thái Thụy.*
- *TAND tỉnh Thái Bình.*
- *UBND xã Thái Thượng.*
- *Các đương sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Thế Tương